TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 14-5-2018.
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Văn Đông.
Ông Lê Kim Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Lê Kim Chăm - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 411/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2017 về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Hồng D** - Sinh năm: 1982, địa chỉ: Ấp T, thị trấn M, huyện C, tỉnh Bến Tre (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Thanh T** - Sinh năm: 1985, địa chỉ: Ấp Q, xã Đ, huyện C, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04 tháng 11 năm 2017, bản tự khai ngày 27 tháng 12 năm 2017, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Hồng D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thanh T tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán vào năm 2010, có đăng ký kết hôn vào ngày 27/10/2010 và đã được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận kết

hôn, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc hay lừa dối. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn mà nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T có quan hệ tình cảm và chung sống với người phụ nữ khác. Chị và anh T sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay mà không thể đoàn tụ được, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Chị D xác định giữa chị và anh T không còn tình cảm vợ chồng, không thể chung sống với nhau được nên yêu cầu ly hôn với anh T, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị và anh Nguyễn Thanh T có một người con chung là Nguyễn Ngọc Tường V - Sinh ngày 14/8/2011, hiện đang sống chung với chị D. Chị D yêu cầu được tiếp tục nuôi con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 650.000đồng/tháng kể từ khi Tòa án giải quyết xong vụ án cho đến khi người con tròn mười tám tuổi.

Về tài sản chung: Chị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị D xác định là không có.

Bị đơn là anh Nguyễn Thanh T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của anh có liên quan đến vụ án.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre phát biểu:

Thẩm phán thụ lý, giải quyết vụ án thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích, đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các điều 56, 81, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hồng D đối với anh Nguyễn Thanh T. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Hồng D được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi người con chung giữa chị với anh Nguyễn Thanh T là Nguyễn Ngọc Tường V - Sinh ngày 14 tháng 8 năm 2011, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng mức cấp dưỡng là 650.000đồng/tháng. Về tài sản chung, về nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Nguyễn Thị Hồng D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* với anh Nguyễn Thanh T có địa chỉ tại ấp Q, xã Đ, huyện C, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 28, 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Mặc dù được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn là anh Nguyễn Thanh T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa sơ thẩm; đồng thời chị Nguyễn Thị Hồng D có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và xét xử vắng mặt anh T là phù hợp với quy định tại các điều 207, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Việc kết hôn giữa chị Nguyễn Thị Hồng D với anh Nguyễn Thanh T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được công nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, chị D cho rằng cuộc hôn nhân của anh chị đã không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với anh T.

Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ xác định được chị D và anh T có phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân hơn hai năm qua mà không thể đoàn tụ được, giữa anh chị cũng không có sự quan tâm, chăm sóc lẫn nhau trong cuộc sống. Anh T dù đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật nhưng vẫn vắng mặt, cho thấy anh không có mong muốn gặp gở, trao đổi nhằm hàn gắn quan hệ hôn nhân với chị D; mặt khác trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm chị D vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với anh T từ đó cho thấy quan hệ hôn nhân giữa chị D và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị D về việc xin ly hôn với anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung:

[4.1] Chị Nguyễn Thị Hồng D yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi người con chung giữa chị với anh T là Nguyễn Ngọc Tường V - Sinh ngày 14 tháng 8 năm 2011. Xét thấy, người con này hiện đang sống chung với chị D. Chị D có điều kiện để nuôi con. Trong khi đó, anh T vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản có yêu cầu gì liên quan đến việc nuôi con. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị D về việc nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4.2] Chị Nguyễn Thị Hồng D yêu cầu anh Nguyễn Thanh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 650.000đồng/tháng kể từ khi Tòa án giải quyết xong vụ án cho đến khi người con tròn mười tám tuổi. Theo quy định tại Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn, cha hoặc mẹ không trực tiếp nuôi con chưa thành niên có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu về việc cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con của chị D là phù hợp với quy định tại các điều 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[5] Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản, về nợ: Anh Nguyễn Thanh T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản nào thể hiện ý kiến của anh có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản, về nợ; chị Nguyễn Thị Hồng D không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, xác định là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Hồng D là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Anh Nguyễn Thanh T là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên anh T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Hồng D được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T.

2/ Về nuôi con chung:

2.1) Chị Nguyễn Thị Hồng D được quyền tiếp tục, trực tiếp nuôi người con chung giữa chị với anh Nguyễn Thanh T là Nguyễn Ngọc Tường V - Sinh ngày 14 tháng 8 năm 2011 (người con này hiện đang sống chung với chị D).

2.2) Anh Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với mức cấp dưỡng là 650.000đồng/tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi người con (Nguyễn Ngọc Tường V - Sinh ngày 14 tháng 8 năm 2011) tròn mười tám tuổi.

2.3) Anh Nguyễn Thanh T có quyền thăm nom con; không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Trong trường hợp anh Nguyễn Thanh T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thì chị Nguyễn Thị Hồng D có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

2.4) Vì lợi ích của con chung, chị Nguyễn Thị Hồng D, anh Nguyễn Thanh T, hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2.5) Khi có lý do chính đáng, chị Nguyễn Thị Hồng D, anh Nguyễn Thanh T có thể thỏa thuận việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, phương thức cấp dưỡng nuôi con, nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản, về nợ: Anh Nguyễn Thanh T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa sơ thẩm và cũng không gửi cho Tòa án văn bản có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, về tài sản, về nợ; chị Nguyễn Thị Hồng D không yêu cầu gì về việc cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, xác định là không có nợ; đồng thời Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre cũng không nhận được đơn yêu cầu giải quyết về nợ có liên quan đến vụ án nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1) Chị Nguyễn Thị Hồng D phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn; nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0013566 ngày 11 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre, chị Nguyễn Thị Hồng D đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4.2) Anh Nguyễn Thanh T có nghĩa vụ nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí về việc cấp dưỡng nuôi con.

5/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Chị Nguyễn Thị Hồng D có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản

án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

6/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Đ, huyện C, tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C, tỉnh Bến Tre;
- Phòng KTNV và THA-TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Vp, Bp.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Văn Nguyên